

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ -PT

Ngày: 17/6/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25/5/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2022/QĐ-PT ngày 01/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp An Bình, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Đường số 3, ấp Quảng Phát, xã Quảng T, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh Huy, sinh năm 1986 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp An Bình, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Đường số 20, ấp Hưng Long, xã Hưng T, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

Bà và ông Trần Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2016. Quá trình sống chung, giữa bà và ông H có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông H sống không tôn trọng bà, có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của bà. Bà và ông

H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2021 đến nay. Hiện nay bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được nên bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh H.

Về con chung: Bà H và ông Trần Thanh H có 02 con chung là cháu Trần Nhã U, sinh ngày 03/10/2017 và cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 09/6/2019. Hiện nay cháu U đang sống cùng với bà H. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nhã U và đề nghị Tòa án giao cháu Trần Quốc Đ cho ông Trần Thanh H nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Đ và yêu cầu Tòa án giao cháu Trần Nhã U cho ông Trần Thanh H nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn ông Trần Thanh H trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2016.

Ông và bà H sống chung với nhau không có mâu thuẫn gì là trầm trọng. Vợ chồng thỉnh thoảng vẫn xảy ra cãi vã do bà H chưa suy nghĩ thấu đáo, có những hành động xúc nổi, bông bột nên vợ chồng xảy ra bất đồng về quan điểm sống. Tuy nhiên ông cho rằng những mâu thuẫn đó là bình thường xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Ông vẫn còn thương yêu và quan tâm, chăm sóc bà H nên mong Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông được về đoàn tụ với nhau. Theo ông thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu do mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, tiền bạc. Bà H thường cằn nhằn, trách móc ông nhiều chuyện trong cuộc sống nhưng ông không chấp nhận vợ vì vậy bà H cho rằng ông khinh thường, không quan tâm yêu thương vợ con. Ông cho rằng lý do yêu cầu ly hôn của bà H là không hợp lý vì bà H có nói với ông ly hôn rồi sau đó mà có tình cảm thì quay về sống chung lại với nhau nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là cháu Trần Nhã U, sinh ngày 03/10/2017 và cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 09/6/2019. Hiện nay cháu Đ đang sống cùng với ông còn cháu U sống cùng với bà H. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đề nghị bà H nuôi cả hai con chung. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà H nuôi cả hai con chung do các con còn quá nhỏ nên cần phải có mẹ chăm sóc, ông không có chỗ ở và công việc ổn định nên không thể đảm bảo cho con có cuộc sống đầy đủ về chỗ ăn, chỗ ở. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án xem xét để cho bà H nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 09/6/2019 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trần Nhã U, sinh ngày 03/10/2017 cho ông Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/3/2022, ông Trần Thanh H có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Thanh H và giao cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 09/6/2019 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu Trần Nhã U, sinh ngày 03/10/2017 cho ông Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa bà H và ông H có thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung sau ly hôn. Việc thỏa thuận của ông H và bà H là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Thanh H làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016 và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Bà H và ông Trần Thanh H xác định vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 12/2021 đến nay. Ông Trần Thanh H cũng thừa nhận có đánh bà H nhưng chỉ là do nóng giận tức thời, những mâu thuẫn giữa ông bà chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông Trần Thanh H không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Trần Thanh H, chính quyền địa phương nơi bà H và ông Trần Thanh H cư trú xác nhận vợ chồng bà H ông Huy Trần Thanh H có mâu thuẫn từ khoảng 04 tháng nay. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng cụ thể như thế nào địa phương không biết được. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, bà H vẫn cương quyết ly hôn với ông Trần Thanh H. Cấp sơ thẩm nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Trần Thanh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông Trần Thanh H có 02 con chung là cháu Trần Nhã U, sinh ngày 03/10/2017 và cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 09/6/2019. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Nhã U và giao cháu Trần Quốc Đ cho ông Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu, cụ thể bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Quốc Đ và giao cháu Trần Nhã U cho ông Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Trần Thanh H không đồng ý và đề nghị Tòa án giao cháu U và cháu Đ cho bà H nuôi dưỡng vì cháu U và cháu Đ còn quá nhỏ nên cần phải có mẹ chăm sóc, hơn nữa ông không có chỗ ở và công việc ổn định nên không thể đảm bảo cho con có cuộc sống đầy đủ về chỗ ăn, chỗ ở. Bà H không đồng ý nuôi cả 2 cháu vì bà cho rằng bà làm công nhân, bản thân cũng phải đi ở nhà thuê nên không đủ điều kiện để có thể chăm sóc tốt cho cả hai con. Cấp sơ thẩm nhận định việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Cả bà H và ông Trần Thanh H đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động do đó phải có trách nhiệm và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc giao mỗi người nuôi dưỡng một con chung sẽ đảm bảo cho các cháu có điều kiện được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt hơn. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu

U cho ông Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông Trần Thanh H thỏa thuận giao cháu Đ cho ông Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu U cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu U đang ở với bà H, hơn nữa cháu U là con gái nên ở với mẹ chăm sóc sẽ tiện hơn. Xét thấy thỏa thuận của bà H và ông Trần Thanh H tại phiên tòa phúc thẩm trên cơ sở lợi ích của con, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa án sơ thẩm về nội dung này.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: ông Trần Thanh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về việc nuôi con chung.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 09/6/2019 cho ông Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Trần Nhã U, sinh ngày 03/10/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: ông Trần Thanh H phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông đã nộp.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Trang